

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN T  
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04-01-2023

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG A**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc A

**Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Vĩnh L

2. Bà Nguyễn Ngọc N

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Nguyễn Quỳnh Nh, sinh năm 1994

Nơi cư trú: ấp 5, xã Mỹ Thành N, huyện Cai L, tỉnh Tiền G

**2. Bị đơn:** anh Bùi Văn Út N, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: ấp Bằng L, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ kiện như sau:*

Chị Nguyễn Quỳnh Nh và anh Bùi Văn Út N tự nguyện chung sống với nhau, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 123/2013, quyền số 02/2012 ngày 30/9/2013. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi sinh con chung thì giữa vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, không hiểu nhau, luôn bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể sống hòa thuận và hạnh phúc được nữa. Chính vì vậy, chị Nh và anh N đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Hiện nay, chị Nh xác định tình cảm vợ chồng giữa chị Nh và anh N không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào hàn gắn được, cuộc sống của vợ chồng không thể kéo dài nên chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Nguyễn Quỳnh Nh và anh Bùi Văn Út N có 01 con chung tên Bùi Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/5/2013. Con chung hiện do chị Nh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Nh yêu cầu giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Bùi Văn Út N: anh Bùi Văn Út N đã vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có gửi văn bản trình bày ý kiến nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của anh N.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều

28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Bùi Văn Út N đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Quỳnh Nh và anh Bùi Văn Út N chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A, vào sổ đăng ký kết hôn số 123/2013, quyển số 02/2012 ngày 30/9/2013 nên quan hệ hôn nhân của chị Nh và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Chị Nguyễn Quỳnh Nh trình bày trong thời gian chung sống, giữa chị Nh và anh N chung sống với nhau không có hạnh phúc, do tính tình không hợp, không hiểu nhau, luôn bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể sống hòa thuận và hạnh phúc được nữa. Chính vì vậy, chị Nh và anh N đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nh và anh N đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị Nh, anh N đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án mời giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Nh. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nh có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị Nguyễn Quỳnh Nh và anh Bùi Văn Út N có 01 con chung tên Bùi Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/5/2013. Con chung do chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, chị Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị Nh có nghề nghiệp và nguồn thu nhập ổn định, có gia đình hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Đồng thời, con chung từ trước đến nay vẫn do chị Nh có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng và chị vẫn đảm bảo đầy đủ các quyền lợi của con chung. Cháu Bùi Ngọc Bảo C cũng đã có văn bản trình bày nguyện vọng muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Nh về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Anh Bùi Văn Út N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N cũng không có ý kiến, yêu cầu về tài sản chung nên không đề cập.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Quỳnh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Quỳnh Nh: Chị Nguyễn Quỳnh Nh được ly hôn với anh Bùi Văn Út N.

**2. Về con chung:** Chị Nguyễn Quỳnh Nh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Bùi Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/5/2013.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn Út N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Quỳnh Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp theo biên lai thu số 0004370 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Long A;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc A**